

DANH SÁCH HỌC SINH

Năm học 2021 - 2022

LỚP 9¹ TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG

GVCN: PHAN BÁ PHÚ PHONG

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	LỚP CŨ	DIỆN	STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	LỚP CŨ	DIỆN
1	Bùi Nguyễn Ngọc	Anh	x	8 ¹		26	Trần Quang	Minh		8 ¹	
2	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	x	8 ¹	BT	27	Nguyễn Tiến	Minh		8 ¹	
3	Nguyễn Ngọc Yên	Chi	x	8 ¹	BT	28	Mai Thiên	Ngọc	x	8 ¹	BT
4	Phạm Lê Khánh	Duy		8 ¹		29	Nguyễn Đông	Nguyễn		8 ¹	BT
5	Phan	Duy		8 ¹	BT	30	Nguyễn Đoàn Thiên	Nhật		8 ¹	
6	Cao Phan Xuân	Giang	x	8 ¹	BT	31	Trần Phương	Nhi	x	8 ¹	
7	Tất Mỹ	Hân	x	8 ¹		32	Đinh Quang	Thắng		8 ¹	
8	Nguy Long	Hiển		8 ¹	BT	33	Đặng Hà Nhật	Thiên	x	8 ¹	
9	Võ Huy	Hoàng		8 ¹	BT	34	Đặng Anh	Thư	x	8 ¹	BT
10	Phạm Kim	Hung		8 ¹	BT	35	Nguyễn Lê Ngọc	Tiến		8 ¹	BT
11	Võ Trần Nguyên	Khải		8 ¹	BT	36	Trương Hà Minh	Trang	x	8 ¹	BT
12	Trần Ngọc Nam	Khang		8 ¹	BT	37	Phan Phú	Trọng		8 ¹	BT
13	Trần Nguyên	Khang		8 ¹		38	Lê Đỗ Minh	Tuấn		8 ¹	
14	Lê Minh Gia	Khánh	x	8 ¹		39	Đặng Khôi	Vĩ		8 ¹	BT
15	Đỗ Kim	Khánh	x	8 ¹		40	Phan Hoàng	Vy	x	8 ¹	
16	Nguyễn Đăng	Khoa		8 ¹	BT	41	Bùi Ngọc Khánh	Vy	x	8 ¹	BT
17	Phạm Dương Anh	Khôi		8 ¹							
18	Cai Nhật Gia	Khôi		8 ¹	BT						
19	Hoàng Trần Minh	Kiên		8 ¹	BT						
20	Nguyễn Hoàng Trung	Kiên		8 ¹							
21	Trần Phước Nhân	Kim	x	8 ¹							
22	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	x	8 ¹							
23	Nguyễn Trọng	Lâm		8 ¹							
24	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	x	8 ¹							
25	Trương Quang	Long		8 ¹	BT						

DANH SÁCH HỌC SINH
Năm học 2021 - 2022

LỚP 9²

GVCN: NGUYỄN BÁ HỒNG KỲ

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	LỚP CŨ	DIỆN	STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	LỚP CŨ	DIỆN
1	Lê Hoàng Minh	Anh		8 ²	BT	26	Trần Ngọc Kim	Ngân	x	8 ²	BT
2	Phạm Lê Vân	Anh	x	8 ²	BT	27	Nguyễn Hải	Nghi		8 ²	BT
3	Chu Trí	Bách		8 ²	BT	28	Trần Trọng	Nghĩa		8 ²	BT
4	Trương Ngô Gia	Bảo		8 ²	BT	29	Nguyễn Trịnh Bảo	Ngọc	x	8 ²	BT
5	Phan Nhã	Bình	x	8 ²		30	Lê Phúc Bảo	Nhi	x	8 ²	BT
6	Phạm Mai	Chi	x	8 ²	BT	31	Giang Bội	Như	x	8 ²	BT
7	Đặng Công	Danh		8 ²	BT	32	Nguyễn Hồng Minh	Phương	x	8 ²	BT
8	Hoàng Nguyễn Mạnh	Dũng		8 ²	BT	33	Trần Võ Minh	Quân		8 ²	BT
9	Nguyễn Nhật	Duy		8 ²	BT	34	Nguyễn Thanh	Tâm	x	8 ²	BT
10	Nguyễn Gia	Hân	x	8 ²	BT	35	Nguyễn Anh Quốc	Thái		8 ²	BT
11	Tô Gia	Hân	x	8 ²	BT	36	Hồ Ngọc Minh	Thư	x	8 ²	BT
12	Hoa Đức	Hoàng		8 ²	BT	37	Trần Ngô Thảo	Uyên	x	8 ²	BT
13	Vũ Huy	Hoàng		8 ²	BT	38	Đặng Nguyên	Vân	x	8 ²	BT
14	Nguyễn Trương Gia	Huy		8 ²	BT	39	Nguyễn Đặng Nhật	Vy	x	8 ²	BT
15	Nguyễn Huy	Khang		8 ²	BT	40	Nguyễn Phương	Vy	x	8 ²	BT
16	Lê Duy Minh	Khang		8 ²	BT	41	Nguyễn Hoàng Thanh	Vy	x	8 ²	BT
17	Huỳnh Tuấn	Khang		8 ²	BT	42	Huỳnh Kim	Yến	x	8 ²	BT
18	Nguyễn Tuấn	Khang		8 ²	BT						
19	Nguyễn Trung	Khánh		8 ²	BT						
20	Ngô Minh	Khoa		8 ²	BT						
21	Nguyễn Hoàng Thiên	Kim	x	8 ²	BT						
22	Phạm Ngọc	Linh	x	8 ²	BT						
23	Nguyễn Bình	Minh		8 ²	BT						
24	Đỗ Ngọc Thiện	Minh		8 ²	BT						
25	Nguyễn Tuấn	Minh		8 ²	BT						

DANH SÁCH HỌC SINH

Năm học 2021 - 2022

LỚP 9³

GVCN: PHAN THỊ KIM SƯƠNG

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	LỚP CŨ	DIỆN	STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	LỚP CŨ	DIỆN
1	Trần Quang Duy	Anh		8 ³		26	Trần Hoàng Bảo	Ngọc	x	8 ³	BT
2	Nguyễn Thanh Lan	Anh	x	8 ³		27	Nguyễn Trần Kim	Ngọc	x	8 ³	BT
3	Đỗ Minh Nhật	Anh		8 ³	BT	28	Nguyễn Hồng Minh	Ngọc	x	8 ³	BT
4	Lê Quốc	Anh		8 ³		29	Trần Minh	Nhật		8 ³	BT
5	Cao Thái Viên	Anh	x	8 ³		30	Trang Minh	Phúc		8 ³	
6	Võ Kim	Ánh	x	8 ³		31	Hồ Thiên	Phúc		8 ³	
7	Vũ Anh	Dũng		8 ³		32	Lê Anh	Quý		8 ³	
8	Lâm Thanh	Hà	x	8 ³	BT	33	Hà Vũ Thiên	Thanh	x	8 ³	BT
9	Phạm Nguyễn Bảo	Hân	x	8 ³		34	Nguyễn Gia	Thịnh		8 ³	
10	Phạm Vũ Bảo	Hân	x	8 ³	BT	35	Nguyễn Xuân	Thùy	x	8 ³	BT
11	Lê Đặng Gia	Hân	x	8 ³	BT	36	Bùi Anh	Thư	x	8 ³	BT
12	Nguyễn Anh	Hoàng		8 ³	BT	37	Nguyễn Trần Anh	Thư	x	8 ³	
13	Lê Huỳnh Minh	Hoàng		8 ³		38	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	x	8 ³	BT
14	Đoàn Đức	Huy		8 ³		39	Tô Đăng Minh	Triết		8 ³	
15	Hoàng Đức	Huy		8 ³		40	Điền Ngọc Phương	Trinh	x	8 ³	BT
16	Huỳnh Trần Gia	Huy		8 ³	BT	41	Nguyễn Chí	Viễn		8 ³	
17	Trần Thị Khánh	Huyền	x	8 ³	BT	42	Lục Nguyên	Vũ		8 ³	
18	Võ Lâm Minh	Khoa		8 ³	BT	43	Võ Phạm Ngọc Khánh	Vy	x	8 ³	BT
19	Bùi Vĩnh	Khuông		8 ³	BT	44	Nguyễn Quỳnh Trúc	Vy	x	8 ³	BT
20	Nguyễn Trung	Kiên		8 ³							
21	Trần Nguyễn Huỳnh	Lin	x	8 ³	BT						
22	Phạm Phú Gia	Linh	x	8 ³	BT						
23	Hồ Nhật Thể	Mi	x	8 ³	BT						
24	Nguyễn Quang	Minh		8 ³	BT						
25	Dương Gia	Nghĩa		8 ³							

DANH SÁCH HỌC SINH
Năm học 2021 - 2022

LỚP 9⁴

GVCN: LÊ NGỌC PHƯƠNG DUNG

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	LỚP CŨ	DIỆN	STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	LỚP CŨ	DIỆN
1	Lợi Túc	An	x	8 ⁴	BT	26	Trần Ny Đan	Phúc		8 ⁴	BT
2	Võ Duy	Anh		8 ⁴	BT	27	Nguyễn Đăng	Quang		8 ⁴	BT
3	Dương Kim Kiều	Anh	x	8 ⁴	BT	28	Phạm Lê Tiến	Quân		8 ⁴	BT
4	Đặng Quỳnh	Anh	x	8 ⁴	BT	29	Nguyễn Tấn	Thành		8 ⁴	BT
5	Trương Mỹ Trâm	Anh	x	8 ⁴	BT	30	Lê Bá	Thiện		8 ⁴	BT
6	Phạm Trần Gia	Bảo		8 ⁴	BT	31	Ngô Trịnh Chí	Thiện		8 ⁴	BT
7	Nguyễn Hà Bảo	Duy		8 ⁴	BT	32	Nguyễn Ngọc Phương	Thùy	x	8 ⁴	BT
8	Quách Kỳ	Duyên	x	8 ⁴	BT	33	Phan Ngọc Anh	Thư	x	8 ⁴	BT
9	Trịnh Hoàng	Đức		8 ⁴	BT	34	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	x	8 ⁴	BT
10	Vũ Sơn	Hà		8 ⁴	BT	35	Nguyễn Việt	Tiến		8 ⁴	BT
11	Trần Phạm Ngọc	Hân	x	8 ⁴	BT	36	Đinh Anh	Tú		8 ⁴	BT
12	Nguyễn Minh	Hiếu		8 ⁴	BT	37	Huỳnh Minh	Tuấn		8 ⁴	BT
13	Nguyễn Hoàng Gia	Huy		8 ⁴	BT	38	Trần Ngọc Mỹ	Uyên	x	8 ⁴	BT
14	Đặng Quang	Khải		8 ⁴		39	Nguyễn Quang	Vinh		8 ⁴	BT
15	Võ Nguyên	Khang		8 ⁴	BT	40	Khổng Thụy Hải	Vy	x	8 ⁴	BT
16	Hoàng Phúc Đăng	Khoa		8 ⁴	BT	41	Nguyễn Thị Phương	Vy	x	8 ⁴	BT
17	Trần Minh	Khoa		8 ⁴	BT	42	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	x	8 ⁴	BT
18	Lương Minh	Khôi		8 ⁴	BT						
19	Trần Thế	Nam		8	BT						
20	Đỗ Thị Thúy	Ngân	x	8 ⁴	BT						
21	Nguyễn Phan Trọng	Nghĩa		8 ⁴	BT						
22	Nguyễn Thụy Bảo	Ngọc	x	8 ⁴	BT						
23	Lê Thị Tụ	Nguyễn	x	8 ⁴	BT						
24	Lê Thiện	Nhân		8 ⁴	BT						
25	Ngô Uyên	Nhi	x	8 ⁴	BT						

Quận 3, ngày 05 tháng 9 năm 2021

DANH SÁCH HỌC SINH
Năm học 2021 - 2022

LỚP **9⁵**

GVCN: **HÀNG YẾN LOAN**

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	LỚP CŨ	DIỆN	STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	LỚP CŨ	DIỆN
1	Ngô Thiên	An	x	8 ⁵	BT	26	Lý Hoàng	Phát		8 ⁵	BT
2	Nguyễn Duy	Anh		8 ⁵	BT	27	Trịnh Tấn	Phát		8 ⁵	BT
3	Cao Đình Hải	Anh		8 ⁵	BT	28	Lâm Vĩnh	Phú		8 ⁵	BT
4	Nguyễn Văn	Anh	x	8 ⁵	BT	29	Huỳnh Hoàng	Quân		8 ⁵	
5	Nguyễn Thành Gia	Bảo		8 ⁵	BT	30	Lê Trúc	Quỳnh	x	8 ⁵	BT
6	Đặng Trần Thùy	Dung	x	8 ⁵	BT	31	Tiên Tuyết	San	x	8 ⁵	BT
7	Tào Hoàng	Đức		8 ⁵	BT	32	Huỳnh Công	Tài		8 ⁵	BT
8	Lưu Ngọc An	Hạ	x	8 ⁵	BT	33	Hà Mỹ	Tâm	x	8 ⁵	BT
9	Huỳnh Gia	Hân	x	8 ⁵	BT	34	Trần Công	Thắng		8 ⁵	BT
10	Nguyễn Gia	Hùng		8 ⁵	BT	35	Hà Anh	Thư	x	8 ⁵	BT
11	Phan Nguyễn Đức	Huy		8 ⁵	BT	36	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	x	8 ⁵	BT
12	Trần Tuấn	Hưng		8 ⁵	BT	37	Lê Quách Bảo	Trân	x	8 ⁵	BT
13	Phạm Tuấn	Khang		8 ⁵	BT	38	Mai Quốc	Trung		8 ⁵	BT
14	Trương	Khang		8 ⁵		39	Hồ Lê Phương	Uyên	x	8 ⁵	BT
15	Đặng Huy	Khánh		8 ⁵	BT	40	Hà Gia	Vinh		8 ⁵	BT
16	Lê Phạm Đăng	Khoa		8 ⁵	BT	41	Lương Kim	Vy	x	8 ⁵	BT
17	Võ Huy	Khoa		8 ⁵	BT	42	Trần Thụy Thanh	Vy	x	8 ⁵	BT
18	Châu Yến	Linh	x	8 ⁵	BT	43	Đỗ Toàn	Vỹ		8 ⁵	BT
19	Lê Hoàng	Minh		8 ⁵	BT						
20	Nguyễn Trà	My	x	8 ⁵	BT						
21	Nguyễn Phúc Bảo	Ngân	x	8 ⁵	BT						
22	Trần Hồng Như	Ngọc	x	8 ⁵	BT						
23	Trần Nguyễn Tuyết	Nhi	x	8 ⁵	BT						
24	Lê Uyên	Nhi	x	8 ⁵	BT						
25	Võ Thục	Nhy	x	8 ⁵	BT						

DANH SÁCH HỌC SINH

Năm học 2021 - 2022

LỚP 9⁶

GVCN: ĐOÀN THANH SƠN

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	LỚP CŨ	DIỆN	STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	LỚP CŨ	DIỆN
1	Mai Trần Phước	An		8 ⁶	BT	26	Phạm Mỹ	Ngọc	x	8 ⁶	BT
2	Vũ	An		8 ⁶	BT	27	Nguyễn Quỳnh	Nhi	x	8 ⁶	BT
3	Lê Hoàng Bảo	Anh	x	8 ⁶	BT	28	Phan Nguyễn Thiên	Phúc		8 ⁶	BT
4	Nguyễn Huy	Anh		8 ⁶	BT	29	Nguyễn Đăng	Quang		8 ⁶	BT
5	Nguyễn Huỳnh Minh	Đạt		8 ⁶	BT	30	Võ Xuân	Quỳnh	x	8 ⁶	BT
6	Phan Thiện	Đức		8 ⁶	BT	31	Vũ Minh	Tâm		8 ⁶	BT
7	Lê Võ Gia	Hân	x	8 ⁶	BT	32	Quách Thái	Thanh	x	8 ⁶	BT
8	Nguyễn Thanh	Hậu		8 ⁶	BT	33	Phan Ngọc Kim	Thư	x	8 ⁶	BT
9	Nguyễn Khánh	Hoàng		8 ⁶	BT	34	Nguyễn Ngọc Cát	Tiên	x	8 ⁶	
10	Đỗ Huỳnh	Hồng	x	8 ⁶	BT	35	Lữ Trần Minh	Tiến		8 ⁶	BT
11	Nguyễn Công	Huân		8 ⁶	BT	36	Ca Diệp Thùy	Trang	x	8 ⁶	BT
12	Lợi Cẩm	Huy		8 ⁶	BT	37	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	x	8 ⁶	
13	Bùi Trần Đức	Huy		8 ⁶	BT	38	Trần Hữu Minh	Trí		8 ⁶	BT
14	Vũ Xuân	Hương	x	8 ⁶	BT	39	Nguyễn Minh	Tự	x	8 ⁶	BT
15	Mai Thế	Khải		8 ⁶	BT	40	Phan Nguyễn Ngọc	Vinh		8 ⁶	BT
16	Lê Nguyễn Quý	Khang		8 ⁶	BT	41	Trần Ngọc Khánh	Vy	x	8 ⁶	BT
17	Lý Đăng	Khoa		8 ⁶	BT	42	Trần Nguyễn Thanh	Vy	x	8 ⁶	BT
18	Võ Duy	Khôi		8 ⁶	BT	43	Nguyễn Thị Thùy	Vy	x	8 ⁶	BT
19	Lê Trần Duy	Khuông		8 ⁶	BT	44	Trần Hoàng Như	Ý	x	8 ⁶	BT
20	Trần Võ Hồng	Liên	x	8 ⁶	BT						
21	Hoàng Khánh	Long		8 ⁶	BT						
22	Cao Quang	Minh		8 ⁶	BT						
23	Lý Kim	Ngân	x	8 ⁶	BT						
24	Trần Mẫn	Nghi	x	8 ⁶	BT						
25	Phạm Trọng	Nghĩa		8 ⁶	BT						

DANH SÁCH HỌC SINH
Năm học 2021 - 2022

LỚP **9⁷**

GVCN: **TRƯƠNG THUY THẠNH TUYẾT**

STT	HỌ VÀ TÊN	NỮ	LỚP CŨ	DIỆN	STT	HỌ VÀ TÊN	NỮ	LỚP CŨ	DIỆN
1	Đặng Trần Mai An	x	8 ⁷		26	Trần Đặng Hồng Ngọc	x	8 ⁷	
2	Võ Nguyễn Quỳnh Anh	x	8 ⁷		27	Nguyễn Thị Minh Ngọc	x	8 ⁷	
3	Phan Nhật Ánh	x	8 ⁷		28	Từ Tuyết Nhi	x	8 ⁷	
4	Bùi Lê Y Bình	x	8 ⁷		29	Nguyễn Tấn Phát		8 ⁷	
5	Phan Tấn Chương		8 ⁷		30	Nguyễn Minh Phú		8 ⁷	
6	Trương Lê Hoàng Dung	x	8 ⁷		31	Huỳnh Gia Phúc		8 ⁷	
7	Nguyễn Hồ Minh Đức		8 ⁷		32	Lê Nguyễn Minh Phương	x	8 ⁷	
8	Bùi Hoàng Hải		8 ⁷		33	Trần Gia Uyên	x	8 ⁷	
9	Lương Nguyễn Gia Hân	x	8 ⁷		34	Nguyễn Anh Tài		8 ⁷	
10	Bùi Ngô Ngọc Hân	x	8 ⁷		35	Nguyễn Chí Thành		8 ⁷	
11	Nguyễn Thế Minh Hiếu		8 ⁷		36	Lương Như Thảo	x	8 ⁷	
12	Hoàng Lê Gia Huân		8 ⁷		37	Nguyễn Như Thủy	x	8 ⁷	
13	Hà Trung Hưng		8 ⁷		38	Nguyễn Lê Anh Thư	x	8 ⁷	
14	Nguyễn Gia Khang		8 ⁷		39	Nguyễn Quỳnh Trân	x	8 ⁷	
15	Lương Bảo Khánh	x	8 ⁷		40	Trần Ngọc Trung		8 ⁷	
16	Nguyễn Khoa		8 ⁷		41	Nguyễn Ngọc Quỳnh Vy	x	8 ⁷	
17	Nguyễn Duy Khương		8 ⁷		42	Trần Hương Xuân	x	8 ⁷	
18	Thái Hoàng Kim	x	8 ⁷		43	Nguyễn Võ Phi Yên	x	8 ⁷	
19	Phạm Thanh Lam	x	8 ⁷						
20	Nguyễn Đỗ Ngọc Loan	x	8 ⁷						
21	Bùi Huỳnh Hưng Long		8 ⁷						
22	Lý Nhật Kim Long		8 ⁷						
23	Nguyễn Quốc Lộc		8 ⁷						
24	Đặng Nguyễn Tấn Minh		8 ⁷						
25	Huỳnh Đặng Lan Nghi	x	8 ⁷						

DANH SÁCH HỌC SINH
Năm học 2021 - 2022

LỚP 9⁸

GVCN: NGUYỄN THỊ THANH THÚY

STT	HỌ VÀ TÊN	NỮ	LỚP CŨ	DIỆN	STT	HỌ VÀ TÊN	NỮ	LỚP CŨ	DIỆN
1	Trần Nguyễn Bảo Anh		8 ⁸		26	Cao Thị Thuỷ Oanh	x	8 ⁸	
2	Tăng Ngọc Anh	x	8 ⁸		27	Lương Tấn Phát		8 ⁸	
3	Trương Lam Ân	x	8 ⁸		28	Nguyễn Minh Quân		8 ⁸	
4	Trương Thanh Bình		8 ⁸		29	Trần Hoàng Phụng Quyên	x	8 ⁸	
5	Phạm Hoàng Minh Châu	x	8 ⁸		30	Lê Hoàng Như Quỳnh	x	8 ⁸	
6	Trần Đức Hải		8 ⁸		31	Bùi Nguyên Sa	x	8 ⁸	
7	Châu Phan Gia Hân	x	8 ⁸		32	Đào Lê Chí Tâm		8 ⁸	
8	Huỳnh Gia Hân	x	8 ⁸		33	Nguyễn Phú Thành		8 ⁸	
9	Trần Quang Huy		8 ⁸		34	Nguyễn Trí Thức		8 ⁸	
10	Nguyễn Hồ Quốc Hưng		8 ⁸		35	Đặng Anh Thy	x	8 ⁸	
11	Ngô Nguyễn Thanh Hương	x	8 ⁸		36	Trương Trọng Tín		8 ⁸	
12	Nguyễn Phúc Huy Khanh	x	8 ⁸		37	Nguyễn Đăng Trí		8 ⁸	
13	Nguyễn Đăng Khánh		8 ⁸		38	Lê Trần Mỹ Trúc	x	8 ⁸	
14	Trần Anh Khoa		8 ⁸		39	Trần Kim Tuyền	x	8 ⁸	
15	Võ Dương Ánh Khuê	x	8 ⁸		40	Đỗ Thanh Uyên	x	8 ⁸	
16	Trần Hoàng Trúc Lam	x	8 ⁸		41	Lê Nguyễn Tường Vy	x	8 ⁸	
17	Hà Vĩ Lâm		8 ⁸		42	Trần Ngọc Như Ý	x	8 ⁸	
18	Trần Lê Gia Long		8 ⁸						
19	Phạm Ngọc Long		8 ⁸						
20	Lương Nguyệt Mẫn	x	8 ⁸						
21	Nguyễn Ánh Bình Minh	x	8 ⁸						
22	Nguyễn Hoàng Nam		8 ⁸						
23	Nguyễn Thị Bích Ngọc	x	8 ⁸						
24	Trần Nguyễn Minh Ngọc	x	8 ⁸						
25	Đỗ Bình Nguyên		8 ⁸						

DANH SÁCH HỌC SINH
Năm học 2021 - 2022

LỚP 9⁹

GVCN: LÊ THỊ NGỌC THỦY

STT	HỌ VÀ TÊN	NỮ	LỚP CŨ	DIỆN	STT	HỌ VÀ TÊN	NỮ	LỚP CŨ	DIỆN
1	Nguyễn Duy An		8 ⁹		26	Huỳnh Cao Sơn		8 ⁹	
2	Trần Nguyễn Tuấn Anh		8 ⁹		27	Trần Hải Sơn		8 ⁹	
3	Nguyễn Lê Gia Bảo		8 ⁹		28	Trần Tâm Tâm	x	8 ⁹	
4	Nguyễn Ngọc Minh Châu	x	8 ⁹		29	Chiêu Lê Thiên Thành		8 ⁹	
5	Nguyễn Đặng Kiều Diễm	x	8 ⁹		30	Nguyễn Nam Thiên		8 ⁹	
6	Lê Anh Duy		8 ⁹		31	Võ Nguyễn Phương Thùy	x	8 ⁹	
7	Nguyễn Phạm Gia Hân	x	8 ⁹		32	Tạ Ngọc Phương Thy	x	8 ⁹	
8	Bùi Ngọc Mai Hân	x	8 ⁹		33	Tăng Trần Bảo Trang	x	8 ⁹	
9	Phạm Quang Huy		8 ⁹		34	Bùi Ngọc Bảo Trân	x	8 ⁹	
10	Lê La Nhật Khánh		8 ⁹		35	Lê Minh Trí		8 ⁹	
11	Phan Đăng Khôi		8 ⁹		36	Vương Quốc Trung		8 ⁹	
12	Ngô Nguyễn Mỹ Kim	x	8 ⁹		37	Tăng Thanh Tú		8 ⁹	
13	Lê Mỹ Linh	x	8 ⁹		38	Cao Kim Cát Tường	x	8 ⁹	
14	Lê Hoàng Long		8 ⁹		39	Tào Nguyễn Khánh Vy	x	8 ⁹	
15	Bùi Huỳnh Hoàng Lộc		8 ⁹						
16	Phan Nguyễn Thanh Ngân	x	8 ⁹						
17	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	x	8 ⁹						
18	Cao Minh Nhật		8 ⁹						
19	Huỳnh Bảo Nhi	x	8 ⁹						
20	Đặng Hoàng Oanh	x	8 ⁹						
21	Nguyễn Kiều Oanh	x	8 ⁹						
22	Tổng Đức Phát		8 ⁹						
23	Nguyễn Đỗ Nam Phương	x	8 ⁹						
24	Lê Đăng Quang		8 ⁹						
25	Nguyễn Nhã Uyên	x	8 ⁹						